

TC

91(V312)

Đ 455 N

# ĐỒNG NAI

## 25 NĂM XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN

### Kinh tế - Xã hội



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

## Lời giới thiệu

Chào mừng đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2005, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai chủ trương biên soạn và xuất bản cuốn sách **"Đồng Nai 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội"**. 25 năm qua, kể từ sau ngày giải phóng miền Nam - thống nhất Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai luôn nêu cao truyền thống cách mạng phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tập trung công sức, trí tuệ phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đã giành được nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong 5 năm qua (1996-2000) thực hiện đầy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa theo Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Những thành tựu về kinh tế - xã hội đã giành được là tiền đề rất quan trọng và cơ bản tạo ra thế và lực mới cho tỉnh Đồng Nai cùng cả nước vững bước vào thiên niên kỷ mới.

Cuốn sách **"Đồng Nai 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội"** là một tài liệu phản ánh khá toàn diện và tập trung về những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh trong 25 năm qua; nhằm cung cấp một cách có hệ thống những thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh qua từng thời kỳ phục vụ cho các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các chuyên gia khoa học và quản lý kinh tế có căn cứ để nghiên cứu, hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm đầu của thế kỷ XXI; đồng thời giúp cho các nhà kinh doanh trong nước và nước ngoài có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu những tiềm năng to lớn của tỉnh để tham gia hợp tác, lựa chọn lĩnh vực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Ấn phẩm được xuất bản dưới hai hình thức: Tập sách và Website trên đĩa CD để thuận tiện cho nhu cầu sử dụng của độc giả.

Việc biên soạn cuốn sách đòi hỏi phải nghiên cứu công phu, nghiêm túc; phải sưu tầm, kiểm tra, hiệu chỉnh nhiều nguồn thông tin theo một phương pháp hệ thống, đảm bảo sự so sánh chính xác các số liệu trong từng thời kỳ phát triển. Trên cơ sở đó làm rõ những thành tựu chủ yếu, đánh giá đúng kết quả, tiến bộ và thiếu sót, hạn chế của từng lĩnh vực; làm rõ những thuận lợi, khó khăn và là thông tin dự báo khoa học cho các mục tiêu phát triển đến năm 2010.

Quá trình biên soạn cuốn sách được sự chỉ đạo thường xuyên của ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và trực tiếp là các lực lượng trong ban chỉ đạo. Đồng thời có sự làm việc nỗ lực, nghiêm túc của các thành viên trong ban biên soạn thuộc văn phòng Tỉnh ủy, văn phòng HĐND và UBND tỉnh, ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, sở Tài chính - Vật giá, sở Kế hoạch - Đầu tư, cục thống kê Đồng Nai và các sở, ngành.

**"Đồng Nai 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội"** được xuất bản tuy còn những thiếu sót và hạn chế nhất định, cần có những ý kiến đóng góp của đông đảo bạn đọc gần, xa. Song chắc chắn cuốn sách này là một công trình có giá trị chào mừng đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và là một ấn phẩm hữu ích cho mọi người.

Xin trân trọng giới thiệu ấn phẩm với độc giả.

Đồng Nai, Ngày 01 tháng 12 năm 2000

**VÕ VĂN MỘT**

**Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai**

**ĐỒNG NAI 25**  
**NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**BAN CHỈ ĐẠO**

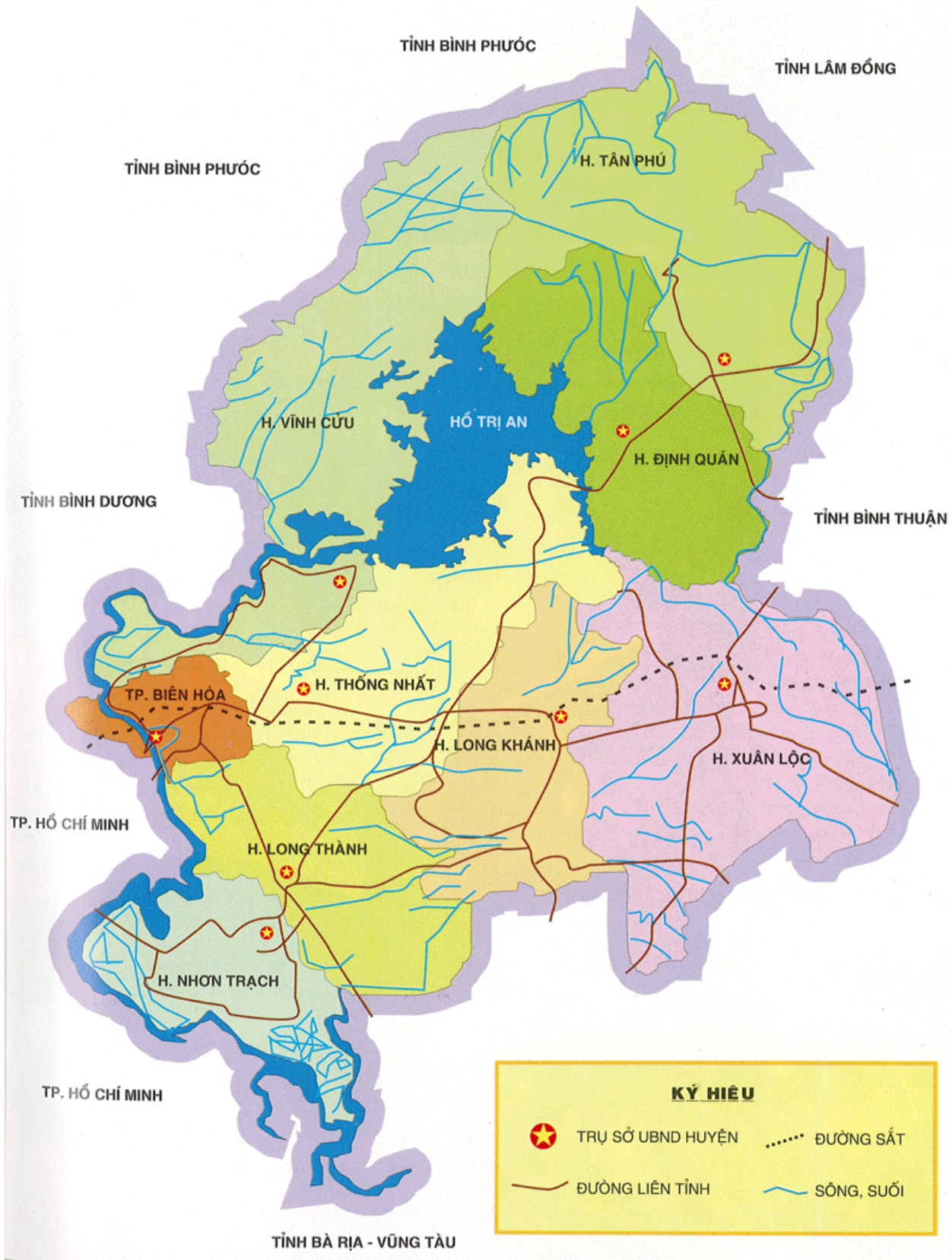
Trần Đình Thành:	Trưởng ban
Huỳnh Văn Tới:	Phó trưởng ban
Trịnh Văn Hữu:	Ủy viên thường trực
Trương Văn Vờ:	Ủy viên
Trần Sĩ Huân:	Ủy viên
Phạm Mạnh Thiều:	Ủy viên
Trần Minh Phúc:	Ủy viên

**BAN BIÊN SOẠN**

Trịnh Văn Hữu:	Trưởng ban
Nguyễn Văn Khánh:	Thành viên
Nguyễn Phú Cường:	Thành viên
Nguyễn Văn Bách:	Thành viên
Trần Quốc Tuấn:	Thành viên
Nguyễn Hữu Nghĩa:	Thành viên
Đàm Chu Văn:	Thành viên
Vũ Ngọc Thanh:	Thành viên

*Biên soạn phần số liệu do Cục thống kê Đồng Nai thực hiện*

# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI





Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng (3 - 2 - 1930 – 3 - 2 - 2000) tại Quảng trường tỉnh.

Ảnh: Lưu Thuận Th

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI, nhiệm kỳ 1996 - 2000.

Ảnh: Phan Dấu



Thủ tướng Võ Văn Kiệt (nay là Cố vấn BCH TW Đảng) trao đổi với lãnh đạo tỉnh trong lần về thăm Đồng Nai.

Ảnh: Xuân Thu



Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh (bên trái) đang trao đổi với Đ/c Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai (khóa IV).

Ảnh: Phan Dấu



Phó thủ tướng Trần Đức Lương (nay là Chủ tịch Nước) làm việc với các bộ, ngành và tỉnh Đồng Nai về quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Tuy Hạ.

Ảnh: X.P



Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 8.

Ảnh: Quang Huy



◀ Tổng bí thư Lê Khả Phiêu và d/c Trần Thị Minh Hoàng, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai trồng cây lưu niệm tại Bảo tàng tỉnh.

Ảnh: Phan Dầu

Đồng chí Trần Thị Minh Hoàng, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy gắn huy hiệu chiến khu Đ cho Cố vấn Võ Chí Công và Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong dịp kỷ niệm 57 năm thành lập chiến khu Đ (1946 - 1997).



Phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm đang xem sa bàn toàn cảnh công ty Fujitsu - Việt Nam.

Ảnh: Phan Dầu





Quang cảnh lễ kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng miền Nam (30 - 4 - 1975 - 30 - 4 - 2000). Ảnh: Phan Dấu



Cố vấn BCH TW Đảng Đỗ Mười thăm nhà máy Sadakim (KCN BH I). Ảnh: Lê Thu

Thủ tướng Võ Văn Kiệt (nay là Cố vấn BCH TW Đảng) làm việc với lãnh đạo tỉnh về phát triển công nghiệp ở Đồng Nai. Ảnh: Bào Quyền



Thủ tướng Phan Văn Khải tìm hiểu tình hình phát triển của Công ty Cao su Đồng Nai.

Đồng chí Phạm Thế Duyệt Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị về thăm và làm việc với tỉnh Đồng Nai. Ảnh: Ngọc Thành

Cố vấn Lê Đức Anh tặng hoa cho đ/c Nguyễn Bạch Tuyết, Chủ tịch danh dự UBMTTQ tỉnh, nhân ngày 8.3 (năm 1999).

Ảnh: NT



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ – ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Đồng Nai thuộc miền Đông Nam bộ, nằm trong vùng động lực tăng trưởng kinh tế phía Nam. Với diện tích tự nhiên là 5.866,4 km<sup>2</sup>; dân số trên 2 triệu người với nhiều dân tộc khác nhau trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số. Đồng Nai có nhiều tôn giáo đó là đạo Phật, Thiên Chúa giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo trong đó Thiên Chúa giáo chiếm tỷ lệ nhiều nhất trên 30% dân số.

**Địa giới hành chính: từ sau ngày giải phóng đến nay sau nhiều lần chia tách, hiện tại Đồng Nai có 1 thành phố (Biên Hòa) và 8 huyện đó là: Vĩnh Cửu, Định Quán, Nhơn Trạch, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc.** Thành phố Biên Hòa là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh, nằm cách Thành phố Hồ Chí Minh 30km về phía Đông.

Đồng Nai có địa giới hành chính tiếp giáp với 5 tỉnh thành phố đó là:

- Phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh đồng thời nằm trên cửa ngõ vào thành phố Hồ Chí Minh, đây là trung tâm công nghiệp thương mại - dịch vụ - khoa học kỹ thuật lớn nhất nước.

- Phía Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu, đây là khu công nghiệp dịch vụ dầu khí có một không hai của cả nước và là nơi có khu du lịch biển bốn mùa nhộn nhịp khách vào ra.

- Phía Đông giáp Bình Thuận và Đông Bắc giáp Lâm Đồng là những địa phương có nhiều tiềm năng kinh tế đặc biệt có những khu du lịch nổi tiếng như: xứ sương mù (Đà Lạt) đầy hấp dẫn và Mũi Né (Phan Thiết) là khu du lịch mới được xây dựng mang đậm nét văn hóa dân tộc của xa xưa nhưng không kém phần hiện đại.

- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương là tỉnh có nền kinh tế chuyển động mạnh mẽ và đang nhanh chóng hình thành các khu công nghiệp lớn, có nền kinh tế phát triển nhanh.

**Đồng Nai có hệ thống giao thông khá thuận lợi vì có nhiều tuyến giao thông quốc gia đi qua như quốc lộ 1, quốc lộ 20, quốc lộ 51 đã và đang được nâng cấp, Đồng Nai có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua, có nhiều tuyến đường liên tỉnh và hệ thống cảng Gò Dầu, Phú Mỹ đã cùng với cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất... tạo thành một mạng lưới giao thông thuận tiện cho hoạt động kinh tế trong vùng và cả nước.**

**Đồng Nai có nền đất lý tưởng, kết cấu đất có độ cứng chịu nén tốt, thuận lợi cho việc mở mang xây dựng các khu công nghiệp, có nguồn điện dồi dào là nhà máy thủy điện Trị An, nhiệt điện Phú Mỹ.** Đây cũng là xứ sở của nhiều tài nguyên khoáng sản phong phú như: tài nguyên rừng, tài nguyên nước, khoáng sản có vàng, thiếc, kẽm dạng hợp chất sun phua và cacbonat, có nhiều mỏ đá, cao lanh than bùn, đất sét, cát sông... rất thuận lợi cho việc phát triển các ngành nghề truyền thống như sản xuất vật liệu xây dựng, gốm mỹ nghệ...

**Là một tỉnh nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa khí hậu ôn hòa ít ảnh hưởng của bão lụt và thiên tai, đất đai màu mỡ với nhiều loại đất khác nhau phần lớn là đất đỏ bazan, nơi đây sớm hình thành các vùng chuyên canh lớn cây công nghiệp ngắn và dài ngày, vùng cây ăn trái nổi tiếng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, hàng hóa cho xuất khẩu.**

**Đồng Nai có tiềm năng khá thuận lợi cho việc phát triển du lịch vì có nhiều cảnh quan thiên nhiên môi trường hấp dẫn như du lịch miệt vườn, du lịch trên sông, leo núi... Đồng Nai là vùng đất có nền văn minh cổ xưa với nhiều di tích văn hóa lịch**



sử giá trị. Đặc biệt có nhiều di tích lịch sử khá nổi tiếng từ thời chiến tranh để lại như: chiến khu Đ, tượng đài đặc công Rừng Sác, tượng đài chiến thắng La Ngà...

**Là một tỉnh dân số đông, có nguồn lao động dồi dào với trình độ khá cao từ mọi miền đất nước hội tụ về đây lập nghiệp, có khả năng cung cấp đủ nguồn nhân lực cho tỉnh nhà trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.** Người dân Đồng Nai vốn có truyền thống kiên cường bất khuất trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và cần cù chịu khó sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế.

Tất cả những yếu tố thuận lợi trên đây đã tạo cho Đồng Nai một lợi thế lớn, hội tụ đủ các điều kiện: "thiên thời - địa lợi- nhân hòa" và những lợi thế đó đã và đang được tận dụng, phát huy cao độ trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh nhà nói riêng và cả nước nói chung.

## **PHẦN I**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **(1976 - 2000)**

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/04/1975, thống nhất đất nước, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới: cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kết thúc thắng lợi, nước nhà độc lập thống nhất; có điều kiện tập trung các nguồn lực vào nhiệm vụ hàng đầu là hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên khó khăn buổi ban đầu còn bộn bề vì khởi đầu với một mặt bằng đầy tàn tích chiến tranh. Sản xuất nông nghiệp là chủ yếu với trình độ canh tác thủ công lạc hậu, năng suất thấp. Các cơ sở sản xuất công nghiệp bị đình đốn do máy móc thiết bị hư hỏng, thiếu nguyên liệu, thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề. Hệ thống đường giao thông, cầu cống hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng. Lưu thông hàng hóa ách tắc. Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế, giáo dục, văn hóa vừa thiếu lại vừa yếu, số người thất nghiệp tăng cao, trình độ dân trí thấp kém, trật tự an toàn xã hội chưa ổn định, lại phải tiếp tục chi viện sức người, sức của cho hai cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Để vượt qua những khó khăn thách thức to lớn đó, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, từng bước khôi phục và phát triển về kinh tế, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất chủ nghĩa xã hội, chăm lo đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, với quyết tâm phấn đấu nỗ lực cao và bền bỉ của toàn Đảng bộ và quân dân Đồng Nai, với ý thức tự lực tự cường, phát huy truyền thống kiên cường, bất khuất của "miền Đông gian lao mà anh dũng". Tận dụng phát huy và khai thác các điều kiện thuận lợi về tự nhiên - xã hội và tiềm năng ở địa phương nên những thành tựu đã giành được là khá lớn và rất đáng tự hào không chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội 25 năm qua được tiến hành thông qua 5 kế hoạch 5 năm, với 2 chặng đường và 2 cơ chế quản lý kinh tế khác nhau:

**- Chặng đường 10 năm đầu (1976- 1985):** Thực hiện cơ chế tập trung, bao cấp.

- Chặng đường 15 năm tiếp theo (1986-2000): Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM ĐẦU (1976 - 1985)**

Đây là giai đoạn củng cố xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội thực hiện kế hoạch 5 năm theo cơ chế tập trung, bao cấp.

Thành tựu nổi bật ở giai đoạn này là tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng với các địa phương ở miền Nam, tiến hành cải tạo và xây dựng quy hoạch sản xuất xã hội chủ nghĩa: Đã khai khẩn, mở rộng được phần lớn diện tích đất đai hoang hóa đưa vào sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề lương thực, phục vụ đời sống dân cư. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ đã được khôi phục và xây dựng mới. Giải quyết được nhiều vấn đề về mặt xã hội như giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng, chăm lo các đối tượng chính sách... Đặc biệt là cơ bản khắc phục nhanh các tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cướp...). Bảo đảm kinh tế tăng trưởng liên tục qua các năm: Đến năm 1985, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt được gấp 2 lần so năm 1976 bình quân năm tăng 8%) và GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần so năm 1976.

Song hạn chế lớn là do chủ quan, nóng vội trong cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất mới, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cùng với cơ chế tập trung bao cấp với cơ cấu kinh tế đơn sở hữu (chỉ duy trì hình thức kinh tế quốc doanh và tập thể) nên tình hình kinh tế phát triển chậm và có xu hướng giảm thấp (GDP thời kỳ 1981 - 1985 giảm gần 4% so thời kỳ 1976- 1980). Hậu quả là: Triệt tiêu động lực người lao động. Tình hình kinh tế kém năng động, trì trệ, không đáp ứng yêu cầu phong phú, đa dạng, nhanh nhạy với sản xuất và đời sống; không kích thích tích tụ, tập trung sản xuất và lãng phí lớn về sức người, sức của; không tranh thủ, tận dụng được sức mạnh bên ngoài do cơ cấu kinh tế và cơ chế tập trung bao cấp đã tự cô lập, cách ly mình với nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ đang mở rộng trên thế giới.



Thư trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo Nguyễn Văn Vọng trao cờ của Bộ GD-ĐT cho tỉnh Đồng Nai, đơn vị đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ

Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động của Bệnh viện da khoa khu vực Thống Nhất



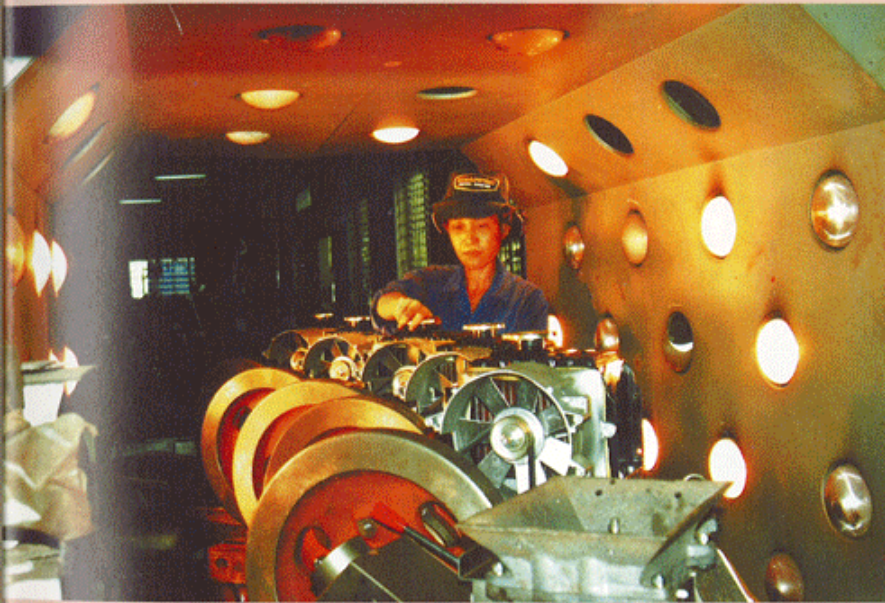
Các bác sĩ đang giải phẫu nâng mí mắt cho các em bị dị tật



Phong trào thể thao thu hút đông đảo công nhân viên chức và tầng lớp nhân dân tham gia  
Ảnh: Phan Đức



Một góc khu công nghiệp Biên Hòa II. ▲



▲ Sản xuất máy cơ khí phục vụ nông nghiệp.

◀ Ảnh: Đức Tường

Gốm là một trong những nghề truyền thống ở đất Biên Hòa - Đồng Nai.



May mặc - ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động nhất trong tỉnh hiện nay.





Cố vấn Đỗ Mười thăm Công ty may Đồng Tiến.

Ảnh: Hoàn Vũ ▲



▲ Từ trái sang phải:

Sản phẩm của Ấc quy Đồng Nai đã có mặt trên toàn quốc.

Công ty Fufitsu, đơn vị công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chuyên sản xuất các mặt hàng điện tử cao cấp.

Ảnh: Xuân Thu

Công ty DONAFOODS, đơn vị công nghiệp chế biến nông sản hàng đầu của tỉnh.

Ảnh: Ngọc Thành ▲

**CHẶNG ĐƯỜNG 15 NĂM ĐỔI MỚI (1986- 2000)**

Đây là giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới cơ chế quản lý kinh tế do đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra theo hướng kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, chiến lược do đại hội VI Đảng cộng sản Việt Nam đề ra trong điều kiện vừa thuận lợi, vừa gặp nhiều cam go, thử thách nhưng với truyền thống yêu nước, bản chất cách mạng vốn có, với tinh thần nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu không ngừng của toàn Đảng bộ và quân dân Đồng Nai, đã tạo nên những chuyển biến tích cực, quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh: Tổng sản phẩm quốc nội GDP (giá so sánh 1994) năm 2000 đạt được gấp 3,86 lần so năm 1985 và gấp 7,7 lần năm 1976. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất một số sản phẩm quan trọng tăng hơn trước. Tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh có khả năng đứng vững và phát triển.

Điểm nổi bật ở chặng đường này là thời kỳ 1991 - 1995, kinh tế có độ tăng trưởng cao (GDP tăng bình quân năm gần 14% năm). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng: Nâng tỷ trọng công nghiệp từ 18,2% năm 1985 lên 38,7% năm 1995. Tập trung các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đường giao thông, phát triển mạng lưới điện, thông tin liên lạc...) đã tác động tích cực đến việc thu hút đầu tư nước ngoài, làm thay đổi bộ mặt đô thị và một số vùng nông thôn, tạo bước chuyển rõ nét hơn về chất lượng hoạt động của giáo dục, y tế... Đồng thời giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc trong đời sống nhân dân mà trước đây chưa có điều kiện thực hiện như: giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo và thực hiện cứu tế xã hội cho các đối tượng chính sách, các gia đình neo đơn...

Thời kỳ (1996- 2000), tuy độ tăng trưởng kinh tế giảm thấp (GDP bình quân năm là 12%/năm) những bước đầu đã đi vào chiều sâu: Nhiều loại cây trồng được sử dụng giống mới với diện tích trên 90%, nhiều doanh nghiệp công nghiệp đổi mới được công nghệ sản xuất, nâng chất lượng với kiểu dáng sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng kịp với thị hiếu tiêu dùng ngày càng cao trong nhân dân. Giải quyết được cơ bản các vấn đề bức xúc của xã hội.

Với những thành tựu nổi bật nêu trên của chặng đường 15 năm đổi mới (1986- 2000), tuy còn đứng trước nhiều thử thách mới: kinh tế tăng trưởng nhưng chưa vững chắc, còn yếu thế cạnh tranh, hiệu quả thấp, tình trạng cung vượt cầu, giá cả giảm phát... Nhưng nói chung, thành tựu đạt được là to lớn: Đến năm 2000 tổng sản phẩm GDP (giá 1994) đạt 10.458,8 tỷ đồng bằng 3,86 lần năm 1985, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn này đạt 9,5% cao hơn so với 8% của giai đoạn 10 năm đầu (1976-1985) và cao hơn gấp 2 lần so với mức tăng chung của cả nước và vượt trội so với các tỉnh trong khu vực miền Đông Nam bộ. Đặc biệt 10 năm (1991-2000) đạt được mức tăng trưởng bình quân khá cao là 13% (cao hơn so với 11,3% của thành phố Hồ Chí Minh). GDP bình quân đầu người (giá 1994) năm 2000 đã đạt 5.125 ngàn đồng bằng 2,52 lần năm 1985, với mức tăng trưởng bình quân giai đoạn (1986-2000) là 6,4% cao gấp 2 lần 10 năm đầu (10 năm 1976-1985 là 3,2%). Các ngành sản xuất đều có bước phát triển vượt bậc trong giai đoạn này: giá trị sản xuất công nghiệp năm 2000 bằng 16,6 lần và nông nghiệp bằng 1,8 lần so năm 1985.

**Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực, đúng hướng. Chặng đường 25 năm qua, đặc biệt là chặng đường (1986- 2000) thực hiện đường lối đổi mới về cơ chế**

**quản lý kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam là thời điểm quan trọng, thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế có tính bài bản, sâu sắc và đưa đến những chuyển biến rõ nét về cơ cấu ngành, vùng, thành phần kinh tế.**

Cơ cấu các ngành kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh từng ngành, từng vùng, Địa phương trong tỉnh, làm tăng hiệu quả và thúc đẩy kinh tế phát triển. Năm 1985 tỷ trọng nông lâm nghiệp - công nghiệp và xây dựng - Dịch vụ trong GDP là 57,5%-18,2%-24,3%; đến năm 2000 tỷ trọng đó là 22,8%-52,2%-25%. Trong nông nghiệp, nâng tỷ trọng chăn nuôi từ 11% năm 1985 lên 23% năm 2000. Đã hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả... phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Trong công nghiệp đã hình thành một số ngành chủ lực, mũi nhọn, một số khu công nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp giày da, may mặc, công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... tăng nhanh và đứng vững trên thị trường xã hội. Đến năm 2000, ngành thương mại chiếm 42% giá trị toàn ngành dịch vụ; giao thông bưu điện chiếm 7,5%; tài chính - ngân hàng chiếm 8,2%; giáo dục y tế, quản lý nhà nước chiếm 10%, dịch vụ khác 32,3%.

Cơ cấu kinh tế ở các huyện, thành phố Biên Hòa gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ ở tỉnh và trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Các vùng kinh tế khó khăn đang được quan tâm hỗ trợ đầu tư và đang từng bước phát triển. Cơ cấu kinh tế ở từng địa phương trong tỉnh đều có chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển. Từ chỗ chỉ có 2 thành phần kinh tế (quốc doanh và tập thể) đã chuyển sang kinh tế nhiều thành phần. Năm 2000, kinh tế nhà nước chiếm khoảng 31% GDP. Doanh nghiệp nhà nước đã từng bước sắp xếp, đổi mới và phát triển. Kinh tế hợp tác bước đầu được tổ chức lại theo luật hợp tác xã mới và chiếm khoảng 0,5% GDP năm 2000. Các thành phần kinh tế khác phát triển khá nhanh, trong đó khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 29% GDP.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là yếu tố quan trọng cho quá trình tích lũy đầu tư trong nền kinh tế đồng thời nâng cao mức tiêu dùng của dân cư mà nhất là thời kỳ 10 năm đổi mới từ 1991 đến nay. Tích lũy nền kinh tế tăng khá nhanh, tổng quỹ tích lũy (tính theo giá thực tế) đến năm 1995 là 1.438,47 tỷ đồng bằng 3,2 lần năm 1991. Năm 2000 là 2.641,61 tỷ đồng bằng 1,84 lần năm 1995. Cơ cấu tích lũy tăng dần trong tổng quỹ tích lũy và tiêu dùng. Năm 1985 chiếm 9,22%; năm 1990 là 10,8%, năm 2000 là 26,2%. Tăng tích lũy đầu tư phát triển nhanh cho các ngành sản xuất nhất là sản xuất công nghiệp đã tạo ra động lực quan trọng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn. Quỹ tiêu dùng mặc dù có giảm dần về cơ cấu song về số tuyệt đối tăng dần qua các năm, với mức độ tăng khá cao, thể hiện mức tiêu dùng dân cư ngày càng được nâng lên rõ rệt. Đây là bước tiến quan trọng về năng lực kinh tế ở tỉnh Đồng Nai và tạo sự ổn định trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

## **PHẦN II THÀNH TỰU VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ**

# I/. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP – LÂM NGHIỆP – THỦY SẢN

## 1- NÔNG NGHIỆP

Những ngày đầu mới giải phóng nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực chiếm trên 70% GDP ở tỉnh nhưng lại đang đứng trước thực trạng hết sức khó khăn: ruộng đất hoang hóa do thiếu công trình thủy lợi. Tập quán canh tác thủ công lạc hậu, phần lớn gieo trồng vụ năng suất thấp, số người không có ruộng đất tăng lên, số người thất nghiệp lên đến hàng chục ngàn người.v.v..

Trải qua 25 năm khôi phục, củng cố xây dựng và phát triển tuy phải trải qua những bước thăng trầm do cơ chế quản lý kinh tế thay đổi và tác động của quy luật thiên nhiên song có thể nói lĩnh vực nông nghiệp nông thôn Đồng Nai đã đạt được những thành tựu nổi bật: khắc phục khó khăn buổi ban đầu, tiếp tục củng cố và phát triển, từng bước vươn lên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về lương thực - thực phẩm cho tiêu dùng dân cư, cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nguồn hàng cho xuất khẩu..vv.. Thể hiện rõ qua các giai đoạn như sau:

### A/ GIAI ĐOẠN 10 NĂM ĐẦU Củng cố và xây dựng (1976- 1985):

Thành tựu đạt được trong giai đoạn này là từng bước khắc phục khó khăn buổi ban đầu, ổn định dần từng bước, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển: các giải pháp thời kỳ đầu (1976-1980) nhằm thực hiện cuộc cách mạng quan hệ sản xuất trong nông nghiệp bắt đầu bằng việc xóa bỏ từng bước tàn dư của chế độ thực dân phong kiến về ruộng đất và vận động nông dân hồi hương định canh định cư. Đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp, đưa nông dân vào làm ăn tập thể. Phát triển các đơn vị quốc doanh trong nông nghiệp để thực hiện vai trò chủ đạo. Tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp như: thủy lợi, cơ giới hóa... Đẩy mạnh khai hoang, phục hóa để tăng nhanh diện tích cây trồng, thể hiện rõ về: thâm canh tăng vụ... Thành tựu đạt được trong 10 năm đầu thể hiện trên các mặt sau đây:

- **Cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất trong nông nghiệp: Đến cuối năm 1980, đã cơ bản hoàn thành công tác hợp tác hóa nông nghiệp, trong toàn tỉnh có 11 hợp tác xã, với 2.974 hộ.** Đến năm 1981 có 613 tập đoàn sản xuất với 26.800 hộ chiếm 16% số hộ nông nghiệp toàn tỉnh. Đến năm 1985 có 22 hợp tác xã, 1.793 tập đoàn sản xuất với 103.281 hộ và 70.802 ha đất canh tác đã đưa 60% số khẩu và 56% diện tích canh tác vào làm ăn tập thể. Đồng thời đã xây dựng được 30 nông trường trong đó địa phương 8 nông trường, trung ương 22 nông trường.

- **Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp: Đã giành 35,8% tổng vốn đầu tư trên địa bàn để xây dựng 25 công trình thủy lợi xây dựng các trạm trại chăn nuôi và trang bị 2.964 máy kéo cho nông nghiệp...**

- **Kết quả sản xuất nông nghiệp: Đến năm 1985, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 2,4 lần so với năm 1976, với tổng diện tích canh tác tăng thêm gần 100 ha.** Diện tích gieo trồng cây lương thực bằng 1,43 lần, cây công nghiệp hàng năm bằng 2,8 lần trong đó đậu nành đạt 32.185ha bằng 4 lần, đậu phộng 8.774ha bằng 4 lần, thuốc lá 5.837ha bằng 10 lần. Nhờ tăng nhanh sản lượng lúa và màu lương thực của 10 năm đầu nên sản lượng lương thực quy thóc tăng rất nhanh: đến năm 1985 đạt 283.868 tấn bằng 2,16 lần so năm 1976, lương thực quy thóc bình quân đầu người tăng từ 142kg/người năm 1976 đến năm 1985 đạt 212,8kg/người (bằng 1,5 lần). Và đưa Đồng Nai từ một tỉnh thiếu lương thực đến những năm sau 1980 đã dư lương



thực và còn làm nghĩa vụ cho Nhà nước mỗi năm hàng chục ngàn tấn lương thực, đây là một tiến bộ đáng kể.

Từng bước xác lập cơ cấu cây trồng ổn định, phá thế độc canh lâu đời, vừa đảm bảo được lương thực ngày càng tăng vừa đẩy mạnh nhịp độ phát triển cây công nghiệp hàng năm có tỷ suất hàng hóa lớn. Hình thành và mở rộng các vùng chuyên canh đậu nành, mía, thuốc lá...

Cây công nghiệp lâu năm như: cao su, cà phê, cây ăn quả.. phát triển và có ưu thế ở một số vùng có điều kiện thuận lợi về đất đai được mở rộng và phát triển. Diện tích cao su năm 1985 đạt 40.690ha bằng 2,1 lần so năm 1976, cà phê 6.100ha bằng 5 lần, cây ăn quả 16.278ha đã có sự tăng trưởng vượt bậc so những năm đầu mới giải phóng. Sản lượng cây công nghiệp lâu năm tăng trưởng không những đáp ứng đủ nhu cầu cho công nghiệp chế biến tại địa phương mà còn thực hiện giao nộp về Trung ương với số lượng khá lớn các sản phẩm như: đậu nành, thuốc lá, rau quả..vv..

Đàn gia súc, gia cầm phát triển: đàn heo năm 1985 bằng 2 lần so năm 1976, đàn bò bằng 1,9 lần, đàn trâu bằng 2 lần (đàn trâu bò phát triển trong giai đoạn này góp phần giải quyết sức kéo trong nông nghiệp). Đàn gia cầm bằng 2,37 lần.

### **B/ GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI 15 NĂM (1986- 2000):**

Thực hiện nghị quyết 10/BCT của Bộ chính trị về "đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" vào năm 1988. Nghị quyết hội nghị trung ương lần 5 (khóa VII) năm 1993 về tiếp tục đổi mới và phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn và gần đây nhất là nghị quyết 6 (khóa VIII) của Bộ chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện và ổn định trong cả lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Nét nổi bật trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong 10 năm (1991-2000): Đã khuyến khích hộ nông dân phát triển sản xuất hàng hóa: Giá trị sản xuất nông nghiệp đến năm 2000 bằng 1,8 lần so năm 1985 và giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng từ 7,7 triệu đồng/ha năm 1985 lên 13,3 triệu đồng/ha năm 2000.

- Cơ cấu cây trồng chuyển dịch phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước ở Đồng Nai và cân đối hài hòa trong tổng diện tích gieo trồng theo hướng giảm diện tích cây hàng năm hiệu quả thấp (từ 66% năm 1991 xuống còn 63% năm 2000), tăng diện tích cây công nghiệp hiệu quả kinh tế cao (từ 34% năm 1991 lên 37% năm 2000), gắn với nhu cầu của thị trường và quá trình phát triển của công nghiệp chế biến ở địa phương. Do đó, các cây trồng chủ lực, lợi thế ở địa phương đều tăng mạnh cả về diện tích và sản lượng, tạo ra khối lượng sản lượng hàng hóa rất lớn như: Đến năm 2000 (so với năm 1991) sản lượng bắp bằng 4,1 lần, mì bằng 1,6 lần, mía bằng 1,7 lần, cao su bằng 1,9 lần, hạt điều bằng 1,9 lần, cà phê bằng 1,9 lần. Đồng thời đã hình thành các vùng chuyên canh nông sản như:

Bắp: 25.000 ha tại các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất.

Đậu nành: 9.368 ha tại các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất.

Mía: 8.400 ha tại các huyện: Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất, Nhơn Trạch.

Thuốc lá: 9.000 ha tại các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất.

Cao su: 36.100ha tại các huyện: Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành.

Cà phê: 32.200ha tại các huyện: Xuân Lộc, Long Khánh, một phần ở Định Quán, Thống Nhất.

Điều: 25.000ha, tại các huyện Xuân Lộc, Long Thành, Định Quán, Thống Nhất.

- Đặc biệt thực hiện chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đạt được một số chuyển biến tích cực bước đầu thể hiện:

+ Bước đầu đã có sự tác động tích cực của công nghiệp chế biến thức ăn gia súc cùng với đầu tư cải tạo giống mới đã góp phần làm tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp từ 11% năm 1985 lên 23% năm 2000 và giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2000 bằng 3,75 lần so năm 1985, chủ yếu là sản lượng thịt heo, gà công nghiệp gia công.

+ Đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, làm đổi mới phương thức sản xuất trong nông nghiệp, tạo thêm việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống vật chất tinh thần nhân dân ở nông thôn: tỷ trọng công nghiệp ở khu vực nông thôn đã tăng lên từ 9,7% năm 1985 lên 30,7% năm 2000, dịch vụ tuy tăng chậm hơn công nghiệp nhưng tỷ trọng vẫn tăng từ 18,1% năm 1985 lên 22,5% năm 2000. Tỷ trọng nông nghiệp từ 72,2% năm 1985 xuống 46,8% năm 2000. Chính từ bước chuyển dịch này đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu nghị quyết đại hội VI Đảng bộ tỉnh.

+ Đã làm thay đổi phương thức sản xuất trong nông nghiệp từ độc canh sang luân canh giữa cây màu với cây công nghiệp ngăn ngừa kết hợp với đầu tư thâm canh, tăng cường sử dụng giống mới (hiện nay các cây chủ lực sử dụng giống mới từ 70%-90% diện tích gieo trồng) và từng bước thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp (hiện nay 55,6% diện tích đất nông nghiệp được cơ giới hóa). Năng suất lao động trong nông nghiệp đã tăng lên đáng kể: GDP bình quân 1 lao động nông nghiệp tạo ra năm 2000 (giá CĐ 1994) tăng 38,2% so năm 1985.

+ Trên cơ sở hỗ trợ, khuyến khích và coi trọng vai trò kinh tế hộ nông dân, các ngành, các cấp trong tỉnh đã tập trung đầu tư vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, tập trung đầu tư tín dụng cho yêu cầu chuyển đổi giống mới có năng suất cao, cải tạo vườn tạp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ giới hóa nông nghiệp, mở ngành nghề nông thôn... nhất là cho vay kéo điện về hộ gia đình, đồng thời qua các phương thức đầu tư trực tiếp hộ nông dân, qua các tổ chức vay vốn, qua các chi hội nghề nghiệp của hội nông dân, đã góp phần tích cực đối với việc tổ chức lại sản xuất và đổi mới quản lý đối với sản xuất nông nghiệp như: thúc đẩy hình thành các hợp tác xã kiểu mới (06 hợp tác xã nông nghiệp), các chi hội, tổ hợp tác giúp nhau vay vốn (đã có gần 4.000 chi hội nghề nghiệp, tổ hợp tác) nhất là xuất hiện hình thức hợp tác giữa hộ nông dân với doanh nghiệp nhà nước để giải quyết đầu vào, đầu ra, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất với một số mô hình đa dạng như: Công ty bông Đồng Nai, Công ty chế biến hạt điều xuất khẩu, Công ty đường La Ngà và gần đây là phương thức đầu tư tay ba giữa nông dân, ngân hàng nông nghiệp thông qua doanh nghiệp sản xuất, cung ứng máy nông nghiệp VINAPPRO. Một số hộ nông dân tích tụ được vốn, đã mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế trang trại gia đình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, trồng rừng với quy mô diện tích từ 10ha đến 30ha (với 163 trang trại).

- Khu vực nông thôn đã hình thành được một số trung tâm, thị trấn mới với hệ thống kết cấu hạ tầng khá hoàn thiện, làm giảm dần sự cách biệt về đời sống vật chất, tinh thần giữa thành thị và nông thôn. Thu nhập bình quân một khẩu ở khu vực nông thôn từ năm 1985 là 90 đồng/tháng lên 351.000 đồng/tháng năm 2000 (chưa loại trừ trượt giá) trong đó thu nhập từ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu nhập (từ 5,3% năm 1995 lên 8,9% năm 2000).

## **2 - LÂM NGHIỆP**

Đồng Nai có diện tích đất lâm nghiệp khá lớn và trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên hình thành từ lâu, đây là nguồn tài nguyên quan trọng của đất nước. Theo kết quả kiểm kê rừng vừa qua, diện tích đất lâm nghiệp hiện có trên toàn tỉnh là: 178.643ha, trong đó rừng tự nhiên là 110.678ha, rừng trồng hiện có là 39.596ha.

Để khai thác tiềm năng thế mạnh về tài nguyên rừng và đất rừng, suốt trong nhiều thời kỳ qua tỉnh Đồng Nai cũng như các đơn vị lâm trường quốc doanh Trung ương đẩy mạnh thực hiện các mặt như: khai thác, nuôi trồng chăm sóc, trồng mới và bảo quản tài nguyên rừng.

Thời kỳ từ 1980 đến năm 1990 lĩnh vực lâm nghiệp chủ yếu tập trung khai thác rừng tự nhiên và phần lớn do các lâm trường thực hiện. Sản lượng gỗ khai thác tăng nhanh từ năm 1980 đến năm 1985 nhưng từ năm 1990 đến nay việc khai thác giảm dần vì đã chuyển dần sang chăm sóc, tu bổ rừng và nuôi dưỡng rừng. Đặc biệt từ năm 1997 bắt đầu thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc: "đóng cửa rừng" Đồng Nai đã triển khai thực hiện nghiêm chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Đã chuyển chức năng hoạt động của các đơn vị lâm nghiệp sang nuôi trồng, chăm sóc, tu bổ rừng và bảo vệ rừng, trồng rừng. Mấy năm gần đây các lâm trường quốc doanh đã chuyển từ hoạt động kinh doanh sang hoạt động công ích. Hàng năm tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng cho các lâm trường và các địa phương nên đã hạn chế đáng kể tình trạng cháy rừng xảy ra vào các mùa khô, hạn chế thiệt hại về tài nguyên rừng.

Thu hoạch cà phê.  
 Ảnh: Phan Dấu



Rừng cao su mùa cạo mủ.

Ảnh: Lê Hương Thơm



Nông dân xã  
 Xuân Trường  
 (Xuân Lộc)  
 thu hoạch bắp  
 chính vụ.  
 Ảnh: Phan Dấu



Mía là một trong những  
 nguyên liệu cho các nhà  
 máy đường ở miền Đông  
 Nam bộ.

Ảnh: P.Y



Sầu riêng, trái cây  
 đặc sản ở Đồng Nai.  
 Ảnh: P.D



Giống nhãn  
 Dona của bà  
 Nguyễn Thị Thuận  
 ở xã An Phước, huyện Long Thành đoạt  
 giải nhất tại hội thi trái cây ngon lần thứ tư.  
 Ảnh: HV



◀ Một kênh cấp 2 ở vùng  
 Ông Kèo hoàn thành.  
 Ảnh: Sơn Trà



Nhiều hộ nông dân đã  
 phát triển đàn vịt lên  
 hàng ngàn con.

Ảnh: VD ▶

Một hộ xã viên của HTX  
 Gò Me nhận khoán nuôi  
 cá, mỗi năm đạt doanh  
 thu hàng chục triệu đồng.

▼ Ảnh: LHT



Thành công bước đầu của  
 dự án nuôi tôm càng xanh  
 do Phòng công nghệ (S  
 KHCN - MT) thử nghiệm.  
 ▼ Ảnh: Phương Liễu



Mê lưới đầu tiên của mô hình nuôi ghép cá ao. ▲

Ảnh: Phương Trang



Ngăn sông Đồng Nai 1987.  
Ảnh: Phan Dấu

Cải tạo mạng lưới điện phục vụ  
phát triển kinh tế.

Ảnh: Nguyễn Đức Tường



Bình minh trên sông La Ngà  
Ảnh: Phan Dấu

Các con đường ở thị trấn Gia-Rai (Xuân  
Lộc) được sửa chữa nâng cấp.



Thi công đường dây điện thấp sáng trên cầu Cứng,  
đường vào Chiến khu Đ.

Ảnh: PD

Đường Tà Lài, nối liền Quốc lộ 20 với vùng sâu huyện Tân Phú.  
Ảnh: TN



Nhà bia kỷ niệm Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển.

Ảnh: Trần Doãn Trí

Cụm tượng đài và nhà bia tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ ở huyện Nhơn Trạch.

Ảnh: P.D

Công trình Trung tâm Giao dịch Bưu chính Viễn thông

Ảnh: Lưu Thuận Thời



Nhà Bảo tàng Đồng Nai, công trình được xây dựng trong những năm đổi mới.

Ảnh: P.D

Cảng Đồng Nai



Với diện tích đất lâm nghiệp lớn, chủ yếu là đất đồi trọc nên việc trồng rừng tập trung và phân tán để phủ xanh đất trống đồi trọc nhằm bảo vệ môi sinh môi trường, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai đã được tỉnh quan tâm chú ý và mục tiêu này thể hiện qua nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng. Bằng nguồn vốn các chương trình 327,

773, chương trình 120 và chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ nên từ năm 1990 đến nay Đồng Nai đã trồng được 51.392ha rừng tập trung trong đó: trung ương thực hiện là 5.816ha, địa phương là 45.576ha. Riêng phần địa phương dân cư thực hiện 8.934ha, chiếm 19,6%. Tuy nhiên công tác trồng rừng thực hiện đạt kết quả thấp, tiến độ thực hiện chậm do thiếu vốn Tiến độ giao đất giao rừng cho nông dân quản lý chăm sóc thực hiện chậm.

### **3- THỦY SẢN**

Đồng Nai là tỉnh không có biển và địa hình chủ yếu là trung du đồi núi nhưng cũng có tiềm năng khá lớn để phát triển ngành thủy sản nước ngọt và nước lợ. Diện tích mặt nước của Đồng Nai có gần 70.000ha trong đó nước ngọt là 66.000ha, nước lợ 4.000ha, có sông Đồng Nai chảy qua địa phận của tỉnh với chiều dài trên 200km. Chính dòng sông này đã mang lại nhiều nguồn lợi trong đó có nguồn lợi thủy sản. Nhiều vùng dọc sông Đồng Nai nhân dân sống bằng nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Các vùng La Ngà (Định Quán), Tân Mai và Long Bình Tân (Biên Hòa) từ nhiều năm qua nổi tiếng truyền thống nuôi cá bè trên sông đạt hiệu quả kinh tế khá. Nhân dân vùng An Hòa, Long Hưng và một số xã thuộc huyện Long Thành, Nhơn Trạch có nhiều kinh nghiệm trong việc nuôi cá tôm trên ruộng, ao hồ, đánh bắt tôm cá thủ công.

Đồng Nai còn có 7 hồ chứa với gần 34.000 ha mặt nước tự nhiên trong đó có 24.400 ha có khả năng nuôi các loại thủy sản có hiệu quả. Điển hình là hồ chứa Trị An với trên 23.500 ha diện tích mặt nước được người dân tận dụng nuôi cá Phong trào nuôi cá bè ở Đồng Nai phát triển khá nhanh trong các năm gần đây, đến nay có 892 hộ nuôi cá, khoảng 1.250 bè cá với tổng diện tích 17.102m<sup>2</sup>... hàng năm cung cấp nguồn thực phẩm khá lớn cho tiêu dùng dân cư và đem lại nguồn lợi lớn cho nhân dân chuyên sống bằng nghề này.

Phong trào nuôi cá, tôm trên ao, hồ, ruộng phát triển khá mạnh, điển hình là các xã có điều kiện như huyện Long Thành, Nhơn Trạch. Được sự hỗ trợ vốn của nhà nước và kỹ thuật của trung tâm khuyến nông nên một số xã ở Nhơn Trạch và Long Thành đã áp dụng phương pháp nuôi tôm càng xanh bán thâm canh thay thế phương pháp nuôi quảng canh kém hiệu quả như trước đây. Tổng diện tích nuôi thủy sản toàn tỉnh hiện nay là 28.000ha tăng gần 1.000ha so năm 1995.

Nhìn chung lĩnh vực nuôi trồng thủy sản mấy năm gần đây đã có bước phát triển mới và đã đem lại thu nhập khá lớn cho người dân, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho khoảng 10.000 lao động trong tỉnh, tận dụng và khai thác tiềm năng điều kiện tự nhiên vào phát triển kinh tế.

Giá trị sản xuất thủy sản năm 2000 đạt 167,2 tỷ đồng (giá cả năm 1994), tăng 58,6% so năm 1990 và bằng 1,9 lần năm 1976; sản lượng cá nuôi năm 2000 đạt 10.753 tấn, bằng 1,51 lần so năm 1995, sản lượng tôm đạt 895 tấn, bằng gần 5 lần.

## **II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**

**1- Xuất phát từ một ngành sản xuất công nghiệp với 38/94 nhà máy đi vào hoạt động sau ngày 30/04/1975, mang nặng tính chất phục vụ guồng máy chiến tranh, lệ thuộc vào nguồn vật tư, phụ tùng thay thế và nguyên liệu từ nước ngoài, cơ sở vật chất thiếu thốn lạc hậu, nhiều thiết bị máy móc đang vào thời kỳ hư hỏng và chứa đựng nhiều yếu tố khủng hoảng sau chiến tranh... nhưng với tinh thần cách mạng tiên công, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện các quan**



điểm, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Đảng bộ, nhân dân Đồng Nai đã kịp thời xác định: "Nhiệm vụ trước mắt của công nghiệp địa phương là phục vụ tốt cho các ngành kinh tế mà đặc biệt là phục vụ đặc lực cho nông nghiệp, chế biến nông sản, hải sản để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Trong đó phải đặc biệt quan tâm vấn đề chế biến lương thực, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất những sản phẩm tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân bằng nguồn nguyên liệu tại chỗ..." (Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất năm 1977). Kết quả, qua 10 năm khôi phục và phát triển (1976-1985) đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể:

- Sản xuất công nghiệp tốc độ phát triển khá nhanh, nhiều ngành nghề mở ra, những ngành nghề truyền thống lâu dài được phục hồi và phát triển.

Có thể nói, sau gần 30 năm bị chiến tranh tàn phá thì giai đoạn này chính là giai đoạn phục hồi sản xuất vì sau ngày tiếp quản, sản xuất công nghiệp bị đình trệ: có tới trên 3 ngàn công nhân trong các xí nghiệp phải nghỉ việc, các ngành nghề tiểu thủ công vốn có chỉ vắn vẹo trên dưới 5.000 lao động. Thông qua biện pháp tập trung các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, tiến hành cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới với 2 hình thức quốc doanh và tập thể, hướng hoạt động sản xuất nhằm vào yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân từ sự hỗ trợ của trung ương và khai thác tiềm năng hiện có ở địa phương. Đến năm 1985 đã có 2.216 cơ sở hoạt động với 39.133 lao động, trong đó có 40 xí nghiệp quốc doanh trung ương với 14.134 lao động; 75 xí nghiệp quốc doanh địa phương với 9.898 lao động và 2.101 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp với 15.101 lao động. Giá trị sản xuất tăng 7,2 lần so với năm 1976. Tỷ trọng ngành công nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) chiếm từ 10,1% (năm 1976) lên 14,1% (năm 1980) và tiếp tục tăng đến 14,8% (năm 1985). Trong sự phát triển chung của toàn ngành công nghiệp, nhiều xí nghiệp bị đình trệ trước kia được phục hồi như 2 nhà máy luyện cán thép (VICASA và SADAKIM); nhà máy sản xuất Ra dio - cát sét (SANYO)...; Một số nhà máy được mở rộng điển hình là nhà máy giấy Tân Mai được đầu tư tăng năng lực sản xuất từ 20 ngàn tấn/năm lên 36 ngàn tấn/năm. Khá nhiều nhà máy được xây dựng mới và đi vào hoạt động: Nhà máy cơ khí thực phẩm, nhà máy thuốc lá Đồng Nai, nhà máy ép dầu Tam Hòa và nhiều xí nghiệp gạch ngói ở tỉnh và các huyện. Các ngành nghề có truyền thống lâu đời được phục hồi và phát triển: sản xuất gốm mỹ nghệ và gạch ngói nung tăng giá trị sản lượng (giá cố định 1994) năm 1985 đạt 96 tỷ đồng, gấp 10 lần so năm 1976. Chế biến lâm sản (gỗ và mây tre lá) đạt 84,6 tỷ đồng, gấp 4 lần so năm 1976.

**- Sản xuất công nghiệp đã hỗ trợ cho các ngành sản xuất khác, đặc biệt là phục vụ sản xuất nông nghiệp và góp phần phát triển kinh tế nông thôn:**

Trong 10 năm (1976-1985), ngành công nghiệp đã cung ứng nhiều loại vật liệu xây dựng với mức tăng bình quân hàng năm khá lớn: gạch nung các loại (+24,3%); Ngói các loại (+13,6%); Đá khai thác (+16,9%); đã cung ứng trên 2 triệu lốp xe đạp, xe máy; hàng trăm thùng bộ xe ca và xe tải, sửa chữa và đại tu gần 1.500 xe ô tô các loại. Đặc biệt đã hỗ trợ đặc lực, tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn phát triển với nhiều chủng loại sản phẩm mới như: bình xịt thuốc trừ sâu, máy tuốt lúa, máy thái nghiền màu lương thực... và các sản phẩm trực tiếp phục vụ cho trồng trọt và chăn nuôi như:

+ Thức ăn gia súc: Năm 1985 đạt 12 ngàn tấn, tăng 2 lần so năm 1976.

- + Nông cụ cầm tay: Năm 1985 đạt 176 ngàn cái, tăng 1,6 lần so năm 1976.
- + Phân hỗn hợp: Năm 1985 đạt 3.005 tấn, tăng 7,8 lần so năm 1976.
- + Sửa chữa máy nông nghiệp: Năm 1985 đạt 2.700 cái, tăng 0,8 lần so năm 1976.
- + Máy bơm nước: Năm 1985 đạt 3.443 cái, tăng 40 lần so năm 1976.

Đã tiêu thụ khối lượng ngày càng lớn các loại sản phẩm do khu vực nông nghiệp và nông thôn sản xuất. Việc này không những có tác dụng bình ổn giá cả nông sản mà còn kích thích bà con nông dân đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất tạo ra nhiều của cải cho xã hội: Ngoài thức ăn gia súc mà nguyên liệu chủ yếu là bắp và khoai mì, có mức tăng nhanh, còn nhiều loại sản phẩm chế biến từ nông sản đều tăng nhanh:

- + Đường các loại: năm 1985 đạt 29,1 ngàn tấn, tăng 11,5 lần so năm 1976.
- + Nước trái cây đóng hộp: năm 1985 đạt 2,8 ngàn tấn, tăng 2,7 lần so năm 1976.
- + Thuốc lá: năm 1985 đạt 1,26 triệu bao, (năm đầu tiên đưa vào sản xuất)
- + Bánh kẹo các loại: năm 1985 đạt 391 tấn, tăng 5,5 lần so năm 1976.

Bước đầu đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn trong tỉnh, nhiều xí nghiệp công nghiệp và cơ sở chế biến tiểu thủ công nghiệp mở ra ở vùng nông thôn, sự xuất hiện này không những góp phần giải quyết lao động nông nhân mà còn thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn ở nhiều vùng thuần nông trước đây.

## **2. BƯỚC VÀO GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1986- 2000):**

Sau khi xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp và giảm bớt chỉ tiêu pháp lệnh của nhà nước, nhiều doanh nghiệp nhà nước nhất là doanh nghiệp nhà nước trung ương trên địa bàn đã dần dần thích ứng với cơ chế thị trường, phát huy ưu thế về trình độ cán bộ, tay nghề công nhân, trang thiết bị, tiền vốn, cạnh tranh được với một số loại hàng nhập, đứng vững và có nhiều tiến bộ trong kinh doanh, hướng vào chất lượng và hiệu quả. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh cũng tự điều chỉnh, phát huy nội lực, tiếp cận thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trong và ngoài nước.

Trước thử thách do chuyển đổi cơ chế quản lý từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường nhưng ở thời kỳ (1986-1990), tốc độ phát triển của toàn ngành vẫn duy trì ở mức bình quân mỗi năm tăng 6,22%; các doanh nghiệp nhà nước trung ương tăng 4,87%; các doanh nghiệp nhà nước địa phương tăng 10,91%; và khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng 3,68%. Trong những năm của thập kỷ 90 (1990- 2000), nhờ chủ động tổ chức thực hiện bằng các giải pháp về đầu tư kết cấu hạ tầng, xác định trọng điểm đầu tư đối với các doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước phát triển sản xuất công nghiệp. Kịp thời định hướng các ngành nghề cần phát triển trong và ngoài khu công nghiệp, các cụm công nghiệp ở trung tâm đô thị và các thị trấn ở các huyện, khuyến khích mở ngành nghề ở nông thôn và ngành nghề truyền thống từ hộ gia đình phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ... cùng với việc tích cực tổ chức sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, từng bước thực hiện cải cách thủ tục về cấp phép đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp. Đặc biệt là kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về vốn về thị trường tiêu thụ do ảnh hưởng tình hình khủng hoảng tài chính, tiền tệ của những năm 1997 - 1998 và 1999. Kết quả là tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn phục hồi và tiếp tục tăng trưởng nhanh. Đến năm 2000, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 11,3 lần so 1990 và tăng 15,6 lần so 1985.

**Công nghiệp trở thành ngành sản xuất chủ lực, kích thích phát triển sản xuất nông nghiệp và góp phần quan trọng làm đổi mới bộ mặt nông thôn trong tỉnh:**

Tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành công nghiệp đã làm thay đổi cơ cấu ngành trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong toàn tỉnh. Năm 1990 tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong GDP của toàn tỉnh chỉ là 19,3%, đến năm 1995 đã là 36,0% và năm 2000 là 52,2%. Đặc biệt đã kích thích và phục vụ tốt hơn đối với sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thể hiện rõ nét là ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và sản xuất thuốc lá với nguồn nguyên liệu hầu hết là từ nông nghiệp (Đây cũng là ngành có tỷ trọng lớn nhất trong toàn ngành sản xuất công nghiệp). Đến năm 2000 ngành công nghiệp đã có 2.914 cơ sở với 21.608 lao động, tạo ra giá trị sản xuất 4.435 tỷ đồng, chiếm 25% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (nhất là thời kỳ 1990-2000) ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống và sản xuất thuốc lá là 30,7%, góp phần quan trọng vào việc giải quyết vấn đề tiêu thụ nông sản, đồng thời đã tác động rất lớn đến việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, sản lượng cây trồng.

**- Tăng nhanh khối lượng sản phẩm phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu, hình thành được một số ngành chủ lực ở tỉnh như công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn (phân bón, công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp hàng xuất khẩu, công nghiệp điện...)**

Điện sản xuất năm 2000 đạt 1,9 tỷ KWh tăng 362 lần so năm 1985; thép các loại năm 2000 đạt 95,3 ngàn tấn tăng 4,5 lần so 1985; Phân hỗn hợp năm 2000 đạt 7,1 ngàn tấn tăng 1,4 lần so năm 1985 và 19,7 lần so 1976; gạch các loại năm 2000 đạt 532,7 triệu viên tăng 3,7 lần so 1985 và 32,3 lần so 1976; ti vi các loại năm 2000 đạt 89,1 ngàn cái, tăng 17,8 lần so năm 1985.

Bên cạnh đó, các sản phẩm công nghiệp xuất khẩu cũng tăng nhanh, điển hình là các loại: quần áo xuất khẩu năm 2000 đạt 17,4 triệu cái, tăng 5 lần so năm 1985; gốm mỹ nghệ xuất khẩu năm 2000 đạt 11 triệu USD, tăng 16,3 lần so năm 1985; hạt điều nhân xuất khẩu năm 2000 đạt 4 ngàn tấn, tăng 17,9 lần so năm 1985; các loại sản phẩm bản mạch điện tử giầy thể thao là những sản phẩm mới, trong 5 năm gần đây cũng có mức tăng bình quân mỗi năm từ 16,5% đến 26,8%. Sự phát triển nhanh của khối lượng sản phẩm kể trên đã làm xuất hiện trên lãnh thổ của tỉnh nhiều loại sản phẩm có tỷ trọng cao, chiếm ưu thế trong khu vực 6 tỉnh, thành phố miền Đông (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh) như: gạch nung chiếm trên 55%, ngói nung chiếm trên 80%, giấy bìa các loại chiếm trên 60%, sơn hóa học các loại chiếm trên 80%, thức ăn gia súc chiếm trên 80%. Đặc biệt sản xuất bột ngọt đã chiếm 100% sản lượng của cả khu vực. Đây là những tiền đề rất thuận lợi trong việc duy trì và phát triển các thế mạnh trong sự phân công và hợp tác sản xuất giữa các tỉnh trong tứ giác kinh tế trọng điểm phía Nam.

**Công nghiệp phát triển đã góp phần đáng kể vào giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động mỗi năm và tăng nguồn thu của ngân sách:**

Cùng với sự phát triển các thành phần kinh tế thuộc nguồn vốn trong: nước giải quyết thêm việc làm cho hàng ngàn lao động, khu vực có vốn đầu tư của nước ngoài tăng rất nhanh, thu hút một lực lượng lao động hùng hậu: Kể từ khi có luật đầu tư nước

ngoài (1989) hàng loạt dự án đầu tư được cấp giấy phép. Số dự án và tổng mức vốn đầu tư ngày càng tăng:

Năm 1990 có 4 dự án với số vốn đăng ký 15,25 triệu USD nhưng đến năm 2000 đã có 260 dự án với số vốn đầu tư 4,4 tỷ USD. Đồng Nai trở thành tỉnh đứng thứ 3 toàn quốc (sau TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội) về thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Riêng ngành công nghiệp năm 2000 đã có 158 dự án đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 83 ngàn lao động, nâng tổng số lao động toàn ngành công nghiệp đến năm 2000 là 157.042 người bình quân trong 10 năm mỗi năm tăng 14,9% về số lao động. Cùng với sự phát triển về số lượng lao động, trình độ kỹ thuật của lực lượng lao động cũng được tăng lên: Nếu như những năm đầu của thập kỷ 90 chỉ có khoảng 10% số lao động là có bằng cấp về chuyên môn kỹ thuật thì đến năm 1998 số có bằng cấp kỹ thuật đã chiếm 16,86% tổng số lao động toàn ngành, trong đó số có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm 23,34% tổng số lao động có bằng cấp.

Công nghiệp phát triển, không những tạo thêm việc làm cho người lao động, hạn chế tình trạng thất nghiệp mà còn làm tăng nhanh nguồn thu về ngân sách Nhà nước: Những năm đầu của thập kỷ 90 thu từ công nghiệp chỉ chiếm 25% trong tổng thu ngân sách thì năm 1998 thu ngân sách về sản xuất công nghiệp là 679,39 tỷ đồng, tỷ trọng này đã là 37% tăng bình quân mỗi năm trên 20%.

### **III/. VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:**

Với hệ thống cơ sở hạ tầng quá nhỏ bé và manh mún được tiếp quản sau ngày miền Nam giải phóng. Đến nay, đã qua 6 lần đại hội, bằng nhiều biện pháp tích cực cùng với sự phấn đấu, nỗ lực vượt qua muôn vàn khó khăn, trở ngại của toàn Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã đạt nhiều kết quả to lớn trong việc tái thiết và xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ cho sản xuất và đời sống dân cư trong tỉnh.

#### **1. Sau mười năm khôi phục và phát triển (1976- 1985). Đã tập trung:**

- **Khai thác mọi nguồn vốn đầu tư, khôi phục và xây dựng mới nhiều cơ sở sản xuất và công trình phúc lợi: Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua 10 năm đạt 4,8 tỷ đồng trong đó vốn đầu tư các công trình do trung ương quản lý 3 tỷ đồng, vốn đầu tư địa phương 1,8 tỷ đồng.** Với 14 ngành sản xuất, dịch vụ thuộc trung ương quản lý, gần 40 xí nghiệp công nghiệp do địa phương quản lý. Mở rộng hệ thống giao thông đường bộ, đưa vào sử dụng 183km đường, nâng cấp 45km, sửa chữa cấp trung đại tu và làm mới 30 cầu với chiều dài 1.326 mét.... Song song với việc đầu tư cho khu vực sản xuất, tỉnh còn chú trọng đầu tư cho các công trình phúc lợi công cộng, nhà ở, các công trình nghiên cứu, văn hóa, giáo dục y tế thể dục thể thao, tỷ trọng đầu tư cho khu vực này từ 20,8% thời kỳ 1976- 1980 đã tăng lên 35,5% thời 1981- 1985. Ngoài việc phục hồi và xây dựng mới hàng chục bệnh viện cấp tỉnh và huyện, hàng trăm trường học phổ thông và nhiều công trình văn hóa, di tích lịch sử. Còn xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều khu nhà ở cho cán bộ - công nhân viên trong đó có những khu tập thể lớn như: khu tập thể ngành công nghiệp, cư xá Phúc Hải. Hệ thống điện, nước phục vụ sản xuất và đời sống dân cư kịp thời phục hồi và phát triển song song với việc xây dựng các công trình phúc lợi công cộng khác như: công viên Bửu Long, công viên Biên Hùng...

- Xây dựng nhiều công trình phục vụ việc phát triển nông nghiệp và nông thôn trong tỉnh: Từ định hướng kinh tế tập trung phát triển công nghiệp - mặt trận hàng đầu của giai đoạn này; hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã ưu tiên cho việc xây dựng cơ sở

vật chất góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Trong 10 năm trị giá vốn đầu tư cho nông nghiệp và lâm nghiệp là 1,7 tỷ đồng chiếm 35,8% tổng số vốn đầu tư toàn địa bàn và 45% vốn đầu tư khu vực sản xuất vật chất. Điểm nổi bật nhất là việc đầu tư xây dựng 25 công trình thủy lợi trong đó có 12 trạm bơm điện với công suất thiết kế tưới tiêu cho 7.810ha, đã phục vụ cho việc thâm canh tăng vụ cho 4.290ha. Ngoài ra còn hoàn hành và đưa vào sử dụng trại bò sữa An Phước, trại gà Thống Nhất, các nông trường trạm trại chăn nuôi các huyện và thành phố, trạm bảo vệ thực vật, cơ sở nuôi cá; đầu tư 126 máy công tác phục vụ nông nghiệp, 48 con bò giống, 7.234m<sup>2</sup> trạm trại chăn nuôi heo, trâu bò, 146ha mặt nước nuôi cá giống, 210m<sup>2</sup> sân phơi, nhà kho...

## **2. GIAI ĐOẠN TĂNG TỐC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986- 2000):**

Cũng như nhiều ngành sản xuất vật chất khác, trong 5 năm đầu (1986- 1990) là thời kỳ đầu tư kiến thiết trong sự chuyển đổi từ cơ chế bao cấp kiểu cũ sang cơ chế mới. Tuy trị giá vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong thời kỳ này khá cao: đạt 193,5 tỷ đồng, tăng nhiều lần so với vốn đầu tư của 5 năm trước nhưng hiệu quả thấp. Đến giai đoạn (1991- 2000), kết quả đầu tư được thể hiện bằng nhiều nguồn, kể cả khai thác nguồn nội lực (chiếm 32,2%) tổng vốn đầu tư, đã góp phần tăng thêm năng lực sản xuất mới, từng bước đáp ứng được cho yêu cầu sản xuất và đời sống theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tổng mức vốn đầu tư trong 5 năm (1991- 1995) tăng hơn 27 lần so 5 năm trước (1986- 1990); trong 5 năm gần đây (1996- 2000) tăng hơn 2,3 lần so 5 năm (1991- 1995); trong đó mức tăng tương ứng ở khu vực vốn đầu tư thuộc Trung ương quản lý là 6,9 lần và 0,9 lần; khu vực vốn đầu tư thuộc các đơn vị địa phương quản lý 7,6 lần và 2,2 lần; khu vực vốn đầu tư của kinh tế ngoài quốc doanh là trên 16 lần và 0,5 lần. Đặc biệt khu vực vốn đầu tư nước ngoài tổng mức vốn đầu tư thực hiện 1996- 2000 chiếm 67,8% tổng mức vốn đầu tư toàn địa bàn và tăng tới 3,9 lần so 5 năm (1991- 1995).

Nổi bật là đã tác động rất lớn đến việc kiến thiết kết cấu hạ tầng ở thành thị và nông thôn. Chỉ tính trong 5 năm (1996- 2000) ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc đã đầu tư 1.595,1 tỷ đồng, làm mới 168km đường, 45 cây cầu với tổng chiều dài 736 mét, nâng cấp và sửa chữa 487km đường giao thông. Lắp đặt mới 63,8 ngàn máy điện thoại, 100% xã phường trong tỉnh đã có máy điện thoại, hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống tổng đài điện thoại di động và hệ nhắn tin phủ sóng toàn tỉnh, xây dựng và đưa vào sử dụng 60.710 kênh thông tin VIBA, 85.830 kênh cáp quang và 1.679km hệ thống cáp điện ngầm.... Đã đầu tư 132 tỷ đồng nâng công suất cấp nước lên 100,4 ngàn m<sup>3</sup> nước/ngày đêm. Đầu tư 42,3 tỷ đồng hệ thống thoát nước ở thành phố Biên Hòa. Đặc biệt, ngoài việc đưa vào sử dụng nhà máy thủy điện Trị An công suất 400 MW (1985), còn đầu tư 205 tỷ đồng xây dựng mới 94 km đường dây 110 KV, cải tạo và xây dựng mới 787 km đường dây 22-15 KV, 885 km đường dây hạ thế, 11 trạm biến áp cao - trung thế với dung lượng 423 KVA, nhiều trạm biến áp trung - hạ thế với tổng dung lượng 69.990 KVA, đưa hộ sử dụng điện từ 41% năm 1990 lên 78,7% năm 2000.

Song song với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đã đầu tư tăng năng lực sản xuất như: ngành nông nghiệp, diện tích tưới tiêu được tăng thêm 13.987ha, xây dựng được

6 trạm trại phục vụ nghiên cứu phát triển nông nghiệp, 2.000m<sup>2</sup> chuồng trại nuôi heo, cơ sở chuồng trại đủ chăn nuôi 2,8 triệu gà giống và 7 triệu gà thịt... Ở ngành công nghiệp hoàn thành và đưa vào sử dụng hàng trăm doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài và hàng ngàn doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong nước với số vốn trong 5 năm (1996- 2000) lên đến 12.414 tỷ đồng tạo ra nhiều năng lực sản xuất mới: Đường kính 23,3 ngàn tấn, hạt điều nhân 20,2 ngàn tấn, gạch nung 199 triệu viên, gạch men 3,2 triệu m<sup>2</sup>, giấy các loại 68 ngàn tấn, bột ngọt 185 ngàn tấn, sơn hóa học 30,2 ngàn tấn, hàng chục triệu quần áo may sẵn, hàng trăm ngàn xe gắn máy và rất nhiều sản phẩm khác. Ở ngành thương mại cũng có thêm hàng trăm m<sup>2</sup> nhà kho, hàng ngàn cửa hàng, quầy hàng... phục vụ yêu cầu thu mua và tiêu thụ các loại hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu.

Kịp thời đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và nhu cầu cộng đồng xã hội từ tỉnh đến các xã, phường. Tăng thêm nhiều cơ sở mới và mở rộng nhiều cơ sở trường lớp: hệ mẫu giáo, nhà trẻ (tăng 6.670 m<sup>2</sup> sử dụng), hệ phổ thông (tăng 3.269 phòng học), ngoài ra còn tăng thêm 1.540 m<sup>2</sup> sử dụng các cơ sở thuộc hệ trung học chuyên nghiệp, 92 phòng học với sức chứa 4.000 học viên các trường dạy nghề và nhiều công trình khác. Hoàn thành và đưa vào hoạt động 5.166 m<sup>2</sup> sử dụng của các trạm y tế, trung tâm y tế cấp xã và huyện, thành phố. Hoàn thành nhiều công trình phục vụ đại lễ kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai, trong đó có Nhà bảo tàng tỉnh 4.900 m<sup>2</sup> sử dụng và trên 3.000 m<sup>2</sup> sử dụng ở các trung tâm thể dục thể thao... Khu nhà ở dân cư đô thị đã được quy hoạch chi tiết đến từng phường xã, trong đó quy hoạch 31 khu dân cư phục vụ cho việc xây dựng mới và tái định cư cho nhân dân ở, một khu dân cư 17ha cho người nước ngoài làm việc ở các khu công nghiệp thuê, hoàn thành và đưa vào sử dụng một số khu nhà ở cho công nhân thuê kề cận các khu công nghiệp trong tỉnh...

**Hình thành và phát triển các khu công nghiệp tập trung: Toàn tỉnh đã hoàn thành quy hoạch tổng thể 17 khu công nghiệp với tổng diện tích 8.119 ha, trong đó 10 khu công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt với diện tích 2.718 ha về cơ sở hạ tầng do 7 doanh nghiệp đầu tư trong đó có 2 doanh nghiệp nước ngoài. Tổng mức vốn đầu tư cho hạ tầng trên 62 triệu USD. Kết quả 5 khu công nghiệp đã có cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh (khu công nghiệp Biên Hòa 2, AMATA, LOTECCO, Nhơn Trạch 1 và Gò Dầu). Trong 10 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt đã có 201 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 4.092 triệu USD.**

#### **IV/. LĨNH VỰC DỊCH VỤ:**

Sau ngày giải phóng, các hoạt động thương mại - dịch vụ lâm vào tình trạng mất ổn định, mạng lưới kinh doanh thương mại và các hệ thống dịch vụ chỉ tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị, khả năng phục vụ kém, thị trường hàng hóa khan hiếm và luôn gặp những cơn sốt về giá.

Để sớm lập lại trật tự hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, 25 năm qua Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành các cấp triển khai thực hiện nhiều biện pháp tích cực nhằm ổn định thị trường, làm cho thương mại - dịch vụ thực sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động xã hội, ổn định giá cả, thực hiện phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý và cải thiện đời sống nhân dân.

Quá trình 25 năm xây dựng và phát triển về thương mại - dịch vụ đã đạt được những thành tựu đáng kể như sau:

**Giai đoạn 10 năm đầu khôi phục và xây dựng (1976 - 1985):**

Hoạt động dịch vụ phát triển nhưng có mức độ, tập trung chủ yếu các ngành thương nghiệp, vận tải, thông tin liên lạc, trong đó thương nghiệp và vận tải là chủ yếu (thương nghiệp chiếm 50% và vận tải chiếm 6,6%).

Về dịch vụ thương nghiệp, đã hình thành và mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, không chỉ ở thành thị mà còn phát triển về nông thôn với 2 thành phần chủ yếu là thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Đến năm 1985 toàn tỉnh đã hình thành 875 điểm kinh doanh bán buôn và bán lẻ do thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã quản lý (thương nghiệp quốc doanh 503 điểm, hợp tác xã 372 điểm, tăng so với 10 năm trước là 766 điểm). Với mạng lưới kinh doanh trên, hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã nắm được đại bộ phận hàng hóa trong nền kinh tế, chi phối 90% bán buôn và 54% bán lẻ, với các mặt hàng lương thực, hàng nông sản, hàng công nghệ phẩm và hàng tư liệu sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân theo phương thức tem phiếu, định lượng và giá cả quy định. Doanh số bán ra trong thời kỳ này đạt đến 116 tỷ đồng (năm 1985), bằng gấp 64 lần năm 1976, trong đó bán lẻ chiếm đến trên 58%, đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu thụ của xã hội.

Mạng lưới thương nghiệp phục vụ các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa phát triển. Đã có 8/8 huyện thành lập được doanh nghiệp thương nghiệp quốc doanh và hầu hết các xã thành lập được hợp tác xã mua bán với tổng số trên 610 điểm kinh doanh (chiếm 70% tổng số điểm kinh doanh toàn tỉnh). Chức năng chủ yếu của các doanh nghiệp này là thu mua nông sản hàng hóa và cung cấp lại hàng hóa vật tư phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng dân cư.

Hệ thống dịch vụ tư nhân phát triển nhưng không mạnh (năm 1985 có khoảng 11.620 hộ kinh doanh), chủ yếu là tập trung vào các hoạt động bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ăn uống trên các chợ ở thành thị và nông thôn với quy mô nhỏ, doanh số bán ra hàng năm khoảng 580 triệu đồng, bằng 50% so với hệ thống thương nghiệp quốc doanh.

Các loại dịch vụ về vận tải, thông tin liên lạc sớm được khôi phục, củng cố, phát triển để phục vụ sản xuất và đời sống dân cư.

Ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tỉnh đã củng cố lại hoạt động bưu điện, mặc dù mức độ phục vụ có giới hạn nhưng nhìn chung đã đáp ứng một phần về yêu cầu thông tin liên lạc trong các cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và một số huyện trên địa bàn. Tổng số điện báo đi có cước năm 1985 so với năm 1976 bằng 3,8 lần, điện thoại đi có cước bằng 6 lần, doanh thu bưu điện bằng 45 lần.

Hoạt động giao thông vận tải được tiến hành tổ chức sắp xếp lại, hình thành một số xí nghiệp vận tải quốc doanh chuyên ngành, các xí nghiệp vận tải công tư hợp doanh và hợp tác xã vận tải. Sản lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách trong các năm trên đều tăng (vận chuyển hàng hóa tăng 25,3%/năm, hành khách tăng 16,4%/năm), đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân. Việc đầu tư phát triển hệ thống giao thông được chú trọng, trên 45 km đường giao thông bị hư hỏng, thiệt hại do chiến tranh được sớm đi vào sửa chữa, tiếp tục làm mới 183 km đường bộ, sửa chữa và làm mới 30 cầu, cống, phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế, nhất là phát triển các vùng kinh tế mới ở nông thôn.

### **Giai đoạn 15 năm đổi mới và phát triển (1986- 2000).**

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ năm 1986 đến năm 2000 hoạt động dịch vụ Đồng Nai có bước phát triển khá, vừa đa dạng vừa phong phú, theo hướng chuyên dịch tăng dần về các dịch vụ có kết cấu, trình độ kỹ thuật cao. Đến năm 2000, tỷ trọng về dịch vụ thương nghiệp chỉ còn chiếm 42% trong toàn bộ hệ thống các ngành dịch vụ (giảm so với 50% năm 1985), trong khi đó các dịch vụ về vận tải, bưu điện tăng 1%, dịch vụ du lịch tăng 0,1%, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm tăng 3,5% và các dịch vụ tiêu dùng khác tăng 5,4% (so với 6,6%; 0,15%; 4,3%; 39% của năm 1985). Nhìn chung, kết quả các hoạt động dịch vụ trên đều có những chuyển biến khá tích cực, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao, nổi bật ở các mặt như sau:

Đã chuyển thị trường từ trạng thái chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính, sang lưu thông hàng hóa theo quy luật kinh tế thị trường và theo pháp luật, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, huy động được các tiềm năng về vốn, kỹ thuật, làm cho thị trường phát triển, sống động đáp ứng được các nhu cầu về vật tư, hàng hóa cho phát triển sản xuất và tiêu dùng, từng bước gắn được sản xuất với nhu cầu thị trường và phát huy những lợi thế so sánh giữa các vùng khác nhau trong toàn tỉnh. Đến năm 2000, ngoài hệ thống thương mại quốc doanh, trên địa bàn tỉnh còn có 569 doanh nghiệp ngoài quốc doanh (trong đó có 5 công ty cổ phần, 64 công ty trách nhiệm hữu hạn, 500 doanh nghiệp tư nhân và trên 38.217 hộ kinh doanh cá thể). Mức lưu chuyển hàng hóa đạt được trên 7.540 tỷ đồng, chiếm trên 75% tổng mức lưu chuyển hàng hóa chung của toàn tỉnh.

Thương nghiệp quốc doanh được tổ chức sắp xếp lại theo hướng đổi mới về cơ chế và phương thức hoạt động, tập trung đi vào phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và coi trọng về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đã có 4 doanh nghiệp đi vào cổ phần hóa. Một số có chuyển biến mới trong kinh doanh như phát triển các hình thức liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp sản xuất khác để nhận làm đại lý cung ứng vật tư, và tiêu thụ sản phẩm, phát triển thêm các điểm bán về nông thôn, mở ra loại hình kinh doanh siêu thị, đẩy mạnh bán buôn các mặt hàng chủ yếu (xăng dầu, phân bón, hàng nông sản...), tăng doanh số bán (năm 2000 gấp 1,6 lần so với năm 1995), tạo điều kiện tăng tích lũy vốn (từ 6,5 tỷ đồng bình quân 1 đơn vị tăng lên 42 tỷ đồng) và tiếp tục phát triển kinh doanh.

Đã tiến hành củng cố lại 12 hợp tác xã mua bán theo luật hợp tác xã, phát triển thêm được 3 hợp tác xã mới, huy động trên 360 xã viên và 1,8 tỷ đồng vốn. Nhìn chung các hợp tác xã sau khi chuyển đổi và thành lập mới đã đi vào hoạt động có nề nếp, khắc phục được những tồn tại theo lối kinh doanh cũ, đang dần dần thích nghi với cơ chế thị trường, tạo được niềm tin, kinh doanh có hiệu quả đạt doanh số bán ra năm 2000 là 15 tỷ đồng tăng trên 159% so với năm 1995), đồng thời giải quyết được một số việc làm và thu nhập cho xã viên.

Từng bước ổn định được hệ thống thương nghiệp tư nhân cá thể, ổn định thị trường, ổn định giá cả nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu cho đời sống nhân dân. Đến nay, đã tổ chức đăng ký cấp giấy phép kinh doanh cho trên 11,8 ngàn hộ tiểu thương, trong đó trên 200 hộ kinh doanh bán buôn, 11.600 hộ kinh doanh bán lẻ, đang triển khai một số quy hoạch về mạng lưới kinh doanh xăng dầu, mạng lưới giết mổ gia súc, quy hoạch chợ Biên Hòa và một số chợ ở các thị trấn, nhằm tiếp tục đưa hoạt động



thương nghiệp đi vào nề nếp, văn minh, sạch đẹp theo đúng quy hoạch. Đến nay, trong toàn tỉnh đã có 216 chợ trong đó chợ có quy mô loại 1 đã quy hoạch 140 chợ.



Khách nước ngoài tham quan, nghiên cứu ở rừng quốc gia Nam Cát Tiên. ▲



▲ Làng góm ven sông Đồng Nai



▼ Đua ghe truyền thống trên sông Đồng Nai





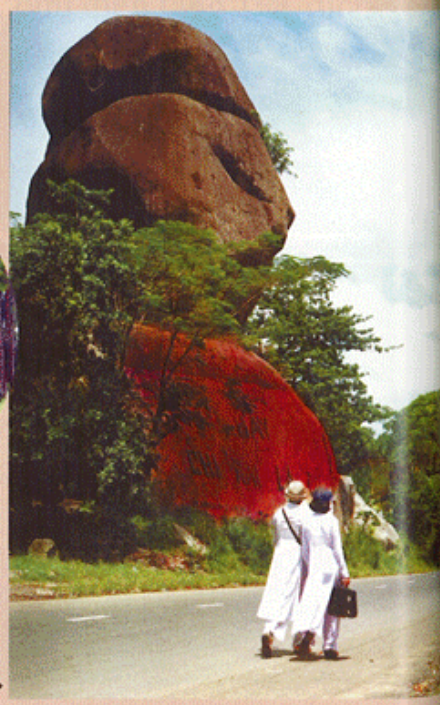
Nhiều cây trái nổi tiếng ở Đồng Nai

Siêu thị Cora ở Đồng Nai, một trong những siêu thị lớn nhất trong cả nước hiện nay. Ảnh: P.1



Suối Tre, một trong những khu du lịch dã ngoại lý tưởng. Ảnh: BG

Thắng cảnh, Đá ba chồng ở Định Quán. Ảnh: Đình Dũng





◀ Chiều trên sông Đồng Nai .

Du lịch vườn  
ven sông Đồng Nai . ▼



Khu  
du lịch  
Bàu Long ▼



Khách sạn Hòa Bình, một trong những khách sạn  
đài sao ở Đồng Nai. ▲



Mộ cổ Hòn Gòn ▲



Một góc thị trấn Xuân Lộc (Long Khánh) ▲



Đài kỷ niệm,  
di tích lịch sử quốc gia



▼ Đường vào ga xe lửa Biên Hòa.



Dịch vụ du lịch cũng từng bước phát triển. Mặc dù chưa trở thành một ngành kinh tế quan trọng, nhưng đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư nâng cấp một số khách sạn nhà hàng đạt tiêu chuẩn khá (có 01 khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao, 2 khách sạn hạng 2 sao và 1 khách sạn hạng 1 sao), tổng số buồng đến năm 2000 tăng 72% so năm 1990 và số giường tăng 96%. Đã đưa vào khai thác một số tuyến điểm du lịch Bửu Long, Suối Tre, du lịch Đảo Ó - đảo Đồng Trường, phát triển một số loại hình du lịch vườn, du lịch trên sông, du lịch văn hóa lễ hội và đang triển khai khảo sát một số tuyến điểm du lịch mới như khu du lịch Thác Mai - hồ nước nóng lâm trường Tân Phú, khu du lịch Núi Le ở thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc. Kết quả khách du lịch đến Đồng Nai hàng năm đều đạt trên 30 ngàn lượt người, cá biệt có năm đạt cao trên 40 ngàn lượt người như năm 1996.

Các dịch vụ ăn uống, nhà hàng, nhà trọ, dạy nghề, giới thiệu việc làm được phát triển mạnh cùng với việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp tập trung và tình hình đô thị hóa ngày một tăng nhanh. Đến nay, sơ bộ đánh giá toàn tỉnh có gần 8.400 hộ kinh doanh ăn uống và trên 2000 hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ. Đa số các hoạt động này đều phát triển mạnh nhưng chậm được quy hoạch, bố trí lại phù hợp nên phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, có ảnh hưởng nhất định đến tình hình trật tự, an toàn xã hội và môi trường sống ở các địa bàn dân cư.

Dịch vụ vận tải về đường bộ đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân với nhiều phương tiện, phương thức hoạt động thuận lợi theo cơ chế thị trường.

15 năm qua toàn tỉnh đã mở mới được 6.825 km đường các loại (tăng so với 10 năm trước gấp 4 lần), đại tu nâng cấp gần 1.000 km (tăng 22 lần), xây dựng 854 chiếc cầu với tổng chiều dài 14.287 mét, trong đó có 453 chiếc cầu là bê tông cốt thép với tổng chiều dài 9.808 mét. Nhìn chung, mạng lưới giao thông đường bộ ở tỉnh khá hoàn chỉnh có chiều dài trên 3.723 km, trong đó đường quốc lộ 220 km, đường tỉnh 212 km, đường giao thông nông thôn ở xã phường 2.071 km. Toàn bộ 100% xã phường đã có đường ô tô đến trung tâm và các vùng chuyên canh, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân, tỷ lệ đường nhựa chiếm gần 19%, tỷ lệ về km đường trên diện tích tự nhiên của toàn tỉnh là 1 km đường/1km<sup>2</sup> (tăng so với 0,4 km/km<sup>2</sup> năm 1975), tải trọng trung bình đạt 12,5 tấn (tăng gấp 2,5 lần).

Hoạt động các doanh nghiệp vận tải quốc doanh đã khắc phục được một số khó khăn ở giai đoạn đầu khi chuyển sang thực hiện theo cơ chế thị trường, và đang có những chuyển biến khá trong việc nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển luồng tuyến, đáp ứng nhu cầu vận chuyển lớn của xã hội. Các doanh nghiệp đã đầu tư nhiều tỷ đồng để tăng thêm năng lực vận tải, tổ chức phối hợp với các DN sản xuất mở ra các hoạt động vận chuyển đưa rước công nhân, phát triển tuyến xe buýt Biên Hoà - Sài Gòn và một số tuyến vận tải liên tỉnh khác, tăng sản lượng vận chuyển hành khách đạt 137.481 ngàn người/km (tăng gấp 1,6 lần so với năm 1985). Hoạt động vận tải hàng hóa có bước tiến bộ, đặc biệt là vận tải chuyên chở hàng hóa nông sản ở các doanh nghiệp sản xuất.

Khu vực ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển, ngoài 12 hợp tác xã đang hoạt động với tổng vốn 82 tỷ đồng, trên địa bàn tỉnh đã hình thành 2 công ty cổ phần, 9 doanh nghiệp tư nhân, 5 công ty trách nhiệm hữu hạn và trên 9.500 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động trên lĩnh vực vận tải. Số đầu tư phương tiện đến năm 2000 đạt

đến mức 2.682 phương tiện, trong đó phương tiện vận tải hàng hóa 6.227 phương tiện với năng lực vận tải trên 39.000 tấn/năm và phương tiện vận tải hành khách có 6.455 phương tiện với năng lực vận tải trên 45.720 hành khách/năm. Nhìn chung, số phương tiện vận tải ở khu vực ngoài quốc doanh tăng lên rất nhanh (gấp 5 lần so với năm 1985) và trên 30% phương tiện đều được đầu tư mới với thiết bị được sản xuất từ sau năm 1995.

Dịch vụ vận tải đường sông mặc dù chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ (khoảng 5%) trong toàn bộ hoạt động vận tải, song đã đem lại hiệu quả kinh tế khá lớn cho nền sản xuất, nhất là làm giảm chi phí sản xuất và đảm bảo an toàn giao thông. Tính chung, trong 15 năm qua sản lượng hàng hóa được vận tải bằng đường sông đã không ngừng tăng lên. Đến năm 2000 đạt sản lượng 17.338 ngàn tấn/km (bằng 2,8 lần năm 1985), đáp ứng được một phần lớn về nhu cầu vận tải hàng hóa trên địa bàn.

Các dịch vụ về cảng phục vụ cho phát triển kinh tế được phát triển và đã mang lại những kết quả rất đáng kể. Đến nay, hệ thống cảng trên địa toàn tỉnh được hình thành khá đa dạng và hoàn chỉnh, ngoài các cảng Long Bình Tân tiếp nhận tàu 2.000 tấn, cảng Gò Dầu A, Gò Dầu B tiếp nhận tàu 15 - 20 ngàn tấn đang được đầu tư xây dựng và khai thác, còn có các cảng chuyên dùng như cảng Cogido, cảng Proconco, cảng Vedan, cảng Phốt phát... nâng công suất bốc xếp hiện nay lên 1,5 triệu tấn/năm. Đang tiếp tục quy hoạch lập dự án phát triển thêm một số cảng như Phú Hữu, Phước An, Thị Vải... nâng công suất bốc xếp lên trên 30 triệu tấn/năm, phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo. Giá trị sản xuất dịch vụ cảng đến năm 2000 đã đạt trên gần 7 tỷ đồng (tính theo giá cố định năm 1994), tăng gấp 1,4 lần so với năm 1995.

Dịch vụ bưu chính viễn thông có bước phát triển vượt bậc. Đã từng bước hiện đại hóa được toàn bộ các thiết bị phục vụ ngang tầm với trình độ của các nước trong khu vực, phục vụ kịp thời cho toàn bộ hoạt động xã hội. Đến nay, toàn tỉnh đã lắp đặt được 82 bưu cục (tăng gấp 4,3 lần so với năm 1976), 65 tổng đài (tăng gấp 10,8 lần), 99,4% xã phường có điện loại liên lạc, 100% xã phường thị trấn có thư báo về kịp trong ngày, 79 ngàn máy điện thoại thuê bao, nâng số trung bình cứ 100 dân có được 4 - 5 máy điện thoại (tăng so với năm 1995 chỉ có 1 máy trên 100 dân). Giá trị sản xuất về hoạt động bưu chính viễn thông trong 15 năm qua đã tăng lên đáng kể (năm 1990 tăng gấp 1,5 lần so với năm 1985, năm 2000 tăng gấp lần so với năm 1990).

Các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm đã có những thay đổi khá cơ bản. Trên thị trường Đồng Nai đã hình thành 5 ngân hàng thương mại trung tâm với 9 chi nhánh ở các huyện, 22 chi nhánh ở xã phường, tham gia vào các lĩnh vực đầu tư, ký gửi quỹ, thu đổi ngoại tệ... Ngoài hệ thống ngân hàng thương mại, các năm qua trên địa bàn tỉnh phát triển được 1 ngân hàng cổ phần và 22 quỹ tín dụng nhân dân ở xã phường. Ngoài ra, còn phát triển được nhiều hình thức bảo hiểm khá phong phú, đa dạng, thu hút ngày càng nhiều khách hàng tham gia.

## **V/. LĨNH VỰC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI:**

**1/ Hoạt động xuất nhập khẩu những năm sau giải phóng chủ yếu thực hiện hình thức ủy thác qua một số đơn vị xuất khẩu trung ương thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.** Hình thức này được duy trì cho đến những năm trước 1990. Từ năm 1990, về sau khi tình hình chính trị ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ bị khủng hoảng đặc biệt là sau khi Liên Xô bị tan rã, thị

trường xuất khẩu sang Liên Xô và các nước này hầu như bị cắt đứt. Do đó thực hiện theo đường lối đối ngoại mới của Đảng và Nhà nước ta với phương châm mở cửa và hội nhập với khu vực và thế giới, các công ty xuất nhập khẩu ở tỉnh đã tích cực chủ động mở rộng thị trường sang nhiều nước khác thuộc các khu vực châu Âu, châu Á, Bắc Mỹ,... Đến năm 1995 đã mở rộng quan hệ ngoại thương trực tiếp với 20 nước và vùng lãnh thổ. Do mở rộng được thị trường nên hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng đạt kết quả cao.

**Thời kỳ những năm (1985- 1995) hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu là do các đơn vị sản xuất kinh doanh địa phương thực hiện.** Các mặt hàng chủ yếu xuất khẩu của địa phương là hàng nông sản và nguyên liệu chế biến truyền thống như: cà phê, cao su, đậu phộng, bắp, gôm thủ công mỹ nghệ, đồ mộc... Các đơn vị ngoại thương ở tỉnh đã chủ động tiếp cận và nắm bắt nhu cầu thị trường quốc tế và khu vực theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu lấy ngoại tệ tăng dần mức nhập khẩu. Mặt hàng xuất khẩu không chỉ giới hạn trong một số ít loại nông sản thô hoặc sơ chế mà đã nâng dần tỷ trọng qua chế biến. Tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu tăng dần trong khi hàng nông sản có xu thế giảm. Năm 1990 hàng nông sản chiếm 75,7%, năm 1995 chiếm 66% trong khi đó hàng công nghiệp tăng dần từ 22,8% lên 32,5%. Kim ngạch xuất khẩu địa phương năm 1990 bằng 19 lần năm 1985, đến năm 1995 bằng 4 lần năm 1990. Cán cân thương mại đi dần vào thế cân bằng tức là hệ số chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu giảm dần: năm 1985 là 0,8 lần, năm 1995 là 1,3 lần.

**Những năm gần đây (1996- 2000) hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh có bước khởi sắc rõ rệt do tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách đối ngoại mở cửa và hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới của Đảng và nhà nước ta.** Đến nay tỉnh ta đã mở rộng thị trường đến 34 quốc gia và vùng lãnh thổ và gần 80% trong tổng số 1 65 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động xuất nhập khẩu với nhiều sản phẩm xuất khẩu khá phong phú như: bản mạch in điện tử đồ điện tử, giày thể thao, quần áo may sẵn, bột ngọt... Đến năm 2000, cơ cấu kim ngạch xuất khẩu của các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài đã chiếm 91,3% trên địa bàn. Kim ngạch xuất khẩu địa phương tăng trưởng chậm song năm 2000 vẫn đạt 115 triệu USD, bằng 1,31 lần so năm 1995.

Với chủ trương tăng cường xuất khẩu nông sản phẩm qua chế biến, hạn chế dần xuất khẩu sản phẩm thô để tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu địa phương, nâng cao nguồn thu ngoại tệ, tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trong nước. Thời gian qua phần lớn các sản phẩm xuất khẩu địa phương qua sơ chế và chế biến tăng dần (đến năm 2000 đã đạt khoảng 70% trong tổng kim ngạch xuất khẩu).

Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã tác động tích cực vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, kích thích sản xuất phát triển, giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ lớn cho tỉnh để cân đối nhu cầu vật tư, máy móc thiết bị sản xuất và đời sống dân cư dân cư, góp phần làm cho lưu thông hàng hóa trong nước thuận lợi để ổn định thị trường, giá cả.

## **2/ Đã thu hút được một lượng vốn đầu tư nước ngoài đáng kể:**

Có thể nói hơn 10 năm qua kể từ khi luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam có hiệu lực năm 1988, đến nay Đồng Nai đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ vận hội mới, tận dụng

những tiềm năng lợi thế so sánh ở địa phương để tích cực thu hút vốn đầu tư nước ngoài mở ra cơ hội mới trong việc phát triển kinh tế xã hội. Hơn 10 năm qua Đồng Nai là địa phương luôn được đánh giá là thu được kết quả cao trong lĩnh vực thu hút dự án và vốn đầu tư nước ngoài, đứng thứ 3 sau TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội: từ 4 dự án năm 1990 với số vốn là 15,25 triệu USD, đến năm 1995 là 143 dự án với số vốn đăng ký là 2.318,88 triệu USD (so năm 1990 tăng gấp 36 lần về số dự án và tăng 152 lần về vốn đăng ký). Đến nay đã có 260 dự án, vốn đăng ký 4,4 tỷ USD. Vốn đã thực hiện 1,9 tỷ USD so năm 1995 số dự án tăng 81,80%; số vốn tăng 89,70%. Trong đó, hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 74% với 193 dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và liên doanh là 36% với 67 dự án. Có trên 90% số dự án đầu tư nước ngoài vào Đồng Nai thuộc về ngành công nghiệp. Hiện nay đã có trên 20 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Đồng Nai trong đó dẫn đầu là các doanh nghiệp thuộc Đài Loan: 93 dự án; Hàn Quốc 38 dự án; Nhật Bản 30 dự án. Mặc dù những năm gần đây (từ 1998 đến nay), do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ của các nước trong khu vực và thế giới làm cho tiến độ đầu tư vào nước ta nói chung và Đồng Nai nói riêng có giảm sút song Đồng Nai vẫn là địa phương có số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh so cả nước.

Đồng Nai không những đạt được kết quả cao trong việc thu hút dự án và vốn đầu tư nước ngoài mà còn là tỉnh có số dự án triển khai và số vốn thể hiện nhanh, trải rộng trên nhiều khu vực trong tỉnh. Không chỉ triển khai các khu công nghiệp thuộc thành phố Biên Hòa mà còn mở ra các vùng nông thôn xa trung tâm thành phố như: Nhơn Trạch, Thống Nhất, Long Khánh, Vĩnh Cửu.

Chính sự phát triển của các khu công nghiệp và triển khai thực hiện các dự án đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi từng bước, thực hiện đô thị hóa nông thôn ở những vùng có điều kiện. Giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động dư thừa tại chỗ.

Sự thành công trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai trong thời gian qua đã tạo ra những tác dụng rất quan trọng trên các mặt kinh tế xã hội đó là:

- Đầu tư nước ngoài đã bổ sung nguồn vốn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội, từng bước tiếp cận công nghệ và khoa học - kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Với 50% doanh nghiệp có trình độ công nghệ tiên tiến và 50% doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình. Đồng thời có 70,3% doanh nghiệp có trình độ tự động hóa và bán tự động hóa. Chính sự phát triển nhanh của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tăng cao, liên tục trong nhiều năm qua và thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa như mục tiêu nghị quyết đại hội VIII của Đảng và nghị quyết đại hội VI tỉnh Đảng bộ Đồng Nai.

- Đầu tư nước ngoài đã làm tăng nhanh sản phẩm xuất khẩu, tiếp cận với thị trường quốc tế. Đây là yếu tố quan trọng đưa kim ngạch xuất khẩu địa bàn tỉnh tăng cao trong các năm qua. Đến nay cơ cấu kim ngạch xuất khẩu khu vực đầu tư nước ngoài chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn địa bàn tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu chiếm 60% doanh thu, với gần 80% số đơn vị của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có sản phẩm tham gia thị trường xuất khẩu, đặc biệt có một số đơn vị kim ngạch xuất